

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **844**/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K26-SN13/2026

Hà Nội, ngày **18** tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng khóa K26-SN13/2026 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Chuẩn bị chi phí khám sức khỏe, tiền ký túc xá và tiền ăn để nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ **khí tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **15g00 Thứ năm ngày 03/09/2026;**
- Thời gian đào tạo: từ ngày **04/09** đến ngày **14/09/2026;**
- Địa điểm đào tạo: Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp** theo mẫu được Đại sứ quán Hàn Quốc quy định và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa.

Lưu ý:

+ Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản phô tô 2 mặt của CCCD (4) bản phô tô trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động cần đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin, sắp xếp hồ sơ theo thứ tự và **chỉ nộp hồ sơ khi có đủ giấy tờ**. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác có thể dẫn đến tiến độ xuất cảnh bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

+ Đối với **Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử (Phiếu LLTPĐT)**: hiện nay Đại sứ quán Hàn Quốc chỉ chấp nhận Phiếu lý lịch tư pháp bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp hoặc Phiếu LLTPĐT được cấp trên ứng dụng VNeID và nộp kèm theo những giấy tờ sau: Bản in Phiếu LLTPĐT; Bản in của ảnh chụp màn hình điện thoại quá trình xử lý hồ sơ cấp Phiếu LLTPĐT trên VNeID; Bản in của ảnh chụp màn hình điện thoại Phiếu LLTPĐT (có hiển thị thời gian, cột sóng tín hiệu điện thoại.....); Bản in của ảnh chụp màn hình điện thoại tiến trình xin cấp Phiếu LLTPĐT hiển thị trên ứng dụng VNeID.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động mang theo điện thoại thông minh có thể kết nối internet và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

+ Người lao động cần kiểm tra, cung cấp chính xác thông tin địa chỉ cư trú theo đơn vị hành chính mới trên ứng dụng VneID.

+ Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn thủ tục ký sổ đối với Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở Hàn Quốc theo Chương trình EPS và Hợp đồng ký quỹ trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản phô tô 02 mặt của CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

2. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **25/08/2026** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn xin hoãn đào tạo giáo dục định hướng (nếu có) để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn dẫn** đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- Văn phòng HRD;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



★Phạm Ngọc Lan

DANH SÁCH ĐÀO TẠO ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K26-SN13/2026

(Kèm theo Công văn số 844/TTLĐNN-TCLĐ ngày 18/08/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
1	50902071	Nguyễn Văn Huy	22/12/1999	Nam	Tỉnh Bắc Ninh	K26SN13-01
2	50901016	Phạm Lê Quốc Tuấn	15/12/2005	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-02
3	50901040	Trần Văn Trường	21/12/2003	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-03
4	50902124	Nguyễn Đình Huy	08/07/1990	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-04
5	50902127	Hoàng Văn Thế	04/04/1992	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-05
6	50903141	Trần Thái Nghiêm	25/07/1991	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-06
7	50904050	Nguyễn Văn Duẩn	23/10/2000	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-07
8	50904066	Phan Đình Đạt	19/09/1991	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-08
9	50905058	Võ Khánh Hoàng	15/02/2004	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-09
10	51005025	Phan Văn Dũng	01/12/2005	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-10
11	51005034	Lê Hoài Nam	18/01/2002	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	K26SN13-11
12	50901009	Vũ Hoàng Anh	28/10/2000	Nam	Tỉnh Hưng Yên	K26SN13-12
13	50902085	Nhâm Nhật Trường	10/09/2001	Nam	Tỉnh Hưng Yên	K26SN13-13
14	50902136	Nguyễn Hữu Hòa	23/07/1994	Nam	Tỉnh Lào Cai	K26SN13-14
15	50902107	Hoàng Đức Mạnh	08/09/2005	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-15
16	50901003	Đinh Hữu Đại	08/10/2003	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-16
17	50901007	Lưu Tiến Lực	01/03/2004	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-17
18	50901008	Hoàng Đức Thắng	28/05/2004	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-18
19	50901069	Nguyễn Xuân Đồng	15/01/1995	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-19
20	50901202	Vũ Hùng Minh	25/08/2005	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-20
21	50902121	Trần Ngọc Kiên	09/11/2002	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-21
22	50904054	Phạm Trung Hiếu	12/08/2006	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-22
23	51001096	Ninh Văn Chiến	18/09/2003	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-23
24	51001099	Vũ Văn Chiên	22/06/2005	Nam	Tỉnh Ninh Bình	K26SN13-24
25	50901028	Nguyễn Đình Anh Đức	16/04/2002	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-25
26	50901035	Trương Công Thông	27/09/2000	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-26
27	50901038	Hồ Viết Tiếp	24/01/2004	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-27
28	50902202	Lê Quốc Đạt	30/01/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-28
29	50903005	Hoàng Công Hạnh	22/02/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-29
30	50903009	Hồ Văn Hùng	22/10/1992	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-30
31	50903013	Nguyễn Ngọc Anh	22/08/1987	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-31
32	50903025	Thái Trung Kiên	30/01/1993	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-32
33	50903026	Phan Văn Thắng	08/04/1996	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-33
34	50903045	Hồ Văn Tiến	24/01/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-34
35	50903052	Nguyễn Minh Quân	23/08/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-35
36	50903054	Nguyễn Quang Vinh	30/01/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-36
37	50903056	Nguyễn Trần Nhật	17/12/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-37
38	50903139	Nguyễn Công Tuấn	16/11/1992	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-38
39	50904004	Tăng Văn Hải	12/09/1995	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-39
40	50904015	Lê Đức Quân	01/01/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-40
41	50904032	Nguyễn Văn Mạnh	23/09/2001	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-41
42	50904034	Nguyễn Văn Quyết	15/03/2002	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-42
43	50904045	Vũ Đức Thúy	25/03/2000	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-43
44	50904046	Vũ Văn Hiếu	20/04/2000	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-44
45	50904081	Nguyễn Hữu Trung Anh	08/08/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-45
46	50904089	Hồ Công Thắng	04/12/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-46
47	50904092	Cao Nhật Hoàn	20/10/2006	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-47
48	50904094	Hồ Đức Mạnh	10/05/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-48
49	50904217	Ngô Minh Đạt	26/06/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-49

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
50	50904218	Trần Văn Hưng	22/04/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-50
51	50905003	Nguyễn Hải Nam	14/10/2002	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-51
52	50905014	Nguyễn Đình Bảo	11/05/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-52
53	50905023	Hồ Duy Đường	25/08/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-53
54	50905024	Lô Hoàng Anh	04/03/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-54
55	50905025	Nguyễn Văn Kiên	17/04/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-55
56	50905028	Phạm Việt Cường	27/02/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-56
57	50905031	Bùi Quang Anh	02/05/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-57
58	50905036	Hồ Văn Hiếu	28/05/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-58
59	50905043	Mã Ngọc Thái	08/10/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-59
60	50905052	Chu Đình Vịnh	12/07/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-60
61	50905053	Hoàng Hữu Ngọc	02/08/2003	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-61
62	50905062	Hoàng Hữu Quyết	25/06/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-62
63	50905064	Phạm Văn Tài	21/11/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-63
64	50905065	Lương Vi Tráng	08/03/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-64
65	50905068	Nguyễn Công An	21/05/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-65
66	50905069	Nguyễn Đức Anh	01/10/1991	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-66
67	50905071	Phan Thanh Chương	17/11/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-67
68	50905077	Phan Văn Dũng	23/02/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-68
69	50905078	Nguyễn Ngọc Tuấn Hoàng	28/01/2002	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-69
70	50905079	Phan Đức Hường	26/08/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-70
71	50905080	Nguyễn Đức Huy	18/03/2001	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-71
72	50905084	Nguyễn Văn Lực	20/11/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-72
73	50905086	Nguyễn Đức Mạnh	10/06/2005	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-73
74	50905089	Hoàng Văn Nguyên	04/07/2006	Nữ	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-74
75	50905097	Lê Thái Sơn	09/03/1998	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-75
76	50905218	Hồ Văn Khánh	12/04/2006	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-76
77	51001010	Nguyễn Văn Định	06/07/2003	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-77
78	51001012	Nguyễn Doãn Đình	05/08/1990	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-78
79	51001013	Trần Hưng Thắng	18/04/1994	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-79
80	51001031	Nguyễn Đức Mạnh	21/07/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-80
81	51001032	Nguyễn Duy Mạnh	20/07/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-81
82	51001036	Nguyễn Trung Anh	07/05/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-82
83	51004022	Đinh Văn Hiệu	05/12/1994	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-83
84	51004037	Hoàng Văn Sỹ	05/11/1992	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-84
85	51004047	Vũ Minh Phương	08/01/1993	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-85
86	51005009	Trương Thế Anh	30/04/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-86
87	51005206	Cao Viết Hoàng	31/03/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-87
88	51005207	Đoàn Văn Tuấn	15/01/2005	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-88
89	51005214	Phạm Văn Bảo	05/01/2004	Nam	Tỉnh Nghệ An	K26SN13-89
90	50902098	Bùi Huy Toàn	10/08/1992	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K26SN13-90
91	50903003	Nguyễn Đình Trung	13/03/1994	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K26SN13-91
92	50903064	Trần Văn Thắng	05/06/2000	Nam	Tỉnh Phú Thọ	K26SN13-92
93	50903037	Trần Anh Tú	03/12/2003	Nam	Tỉnh Quảng Ninh	K26SN13-93
94	50905001	Lê Hữu Hoàng	28/06/2001	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K26SN13-94
95	51001048	Phạm Văn Duy	30/09/2003	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K26SN13-95
96	50901045	Nguyễn Hải	06/10/1988	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K26SN13-96
97	51001019	Phạm Quốc Hiếu	05/08/1990	Nam	Tỉnh Quảng Trị	K26SN13-97
98	50901072	Lê Văn Nhất	20/12/1991	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-98
99	50901082	Trần Văn An	04/02/1993	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-99
100	50901088	Đỗ Văn Hoàng	23/09/1994	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-100
101	50901089	Lê Văn Huế	15/06/1988	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-101

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh/Tp	Mã học viên
102	50901091	Lê Thiên Lý	08/08/1989	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-102
103	50901093	Lê Văn Sơn	09/05/1998	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-103
104	50901096	Nguyễn Thành Trung	10/11/1989	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-104
105	50901101	Cao Văn Đạt	04/01/2001	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-105
106	50901104	Phạm Trung Kiên	16/10/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-106
107	50901108	Lê Văn Trường	17/03/1989	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-107
108	50901221	Lê Đình Ngọc	08/08/1987	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-108
109	50902008	Trần Văn Mạnh	28/10/1996	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-109
110	50902031	Đoàn Văn Sắc	26/02/1994	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-110
111	50902038	Phạm Văn Thành	01/05/1990	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-111
112	50902040	Lê Bá Dũng	13/02/1990	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-112
113	50902043	Lê Sỹ Tài	04/02/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-113
114	50902045	Phạm Công Dũng	21/06/1988	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-114
115	50902053	Lê Văn Huy	11/07/1993	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-115
116	50902063	Phạm Văn Toàn	09/06/1991	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-116
117	50902109	Nguyễn Phong Vân	21/03/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-117
118	50903068	Vũ Thành Đồng	26/05/2003	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-118
119	50903077	Lê Quang Tiến	10/02/1992	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-119
120	50903085	Hoàng Thế Cậy	22/06/1991	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-120
121	50903086	Nguyễn Văn Minh	23/04/1990	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-121
122	50903094	Mỹ Khắc Dũng	03/11/2000	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-122
123	50903095	Nguyễn Văn Cường	15/08/1995	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-123
124	50903112	Trần Đức Nguyên	14/04/2006	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-124
125	50903118	Nguyễn Hoài Nam	01/07/1999	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-125
126	50903124	Lê Văn Anh	10/04/2005	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-126
127	50903136	Hoàng Trọng Tuấn	17/01/2003	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-127
128	50904014	Lê Bá Quân	24/12/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-128
129	50904016	Lê Minh Nhân	16/02/1994	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-129
130	50904019	Lưu Quang Việt	23/05/2006	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-130
131	50904028	Nguyễn Minh Đức	09/11/1997	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-131
132	51001085	Vũ Văn Quý	08/09/2004	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	K26SN13-132
133	50902100	Kiều Đăng Vinh	15/01/2006	Nam	Thành phố Hà Nội	K26SN13-133
134	50903066	Nguyễn Minh Đức	30/11/2003	Nam	Thành phố Hà Nội	K26SN13-134
135	51001004	Nguyễn Văn Hưng	20/05/1991	Nữ	Thành phố Hà Nội	K26SN13-135
136	51001005	Nguyễn Đình Hoan	17/04/1990	Nam	Thành phố Hà Nội	K26SN13-136
137	50902130	Trương Đình Phố	07/04/2000	Nam	Thành phố Hải Phòng	K26SN13-137
138	50904063	Nguyễn Văn Tuấn	14/01/1991	Nam	Thành phố Hải Phòng	K26SN13-138
139	51001087	Nguyễn Văn Thọ	20/10/1986	Nữ	Thành phố Hồ Chí Minh	K26SN13-139

